

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 05/2026/QĐST-KDTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 47/2025/TLST-KTM ngày 26 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V1 (V1); địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T; người được ủy quyền lại: Ông Lê Vũ H – Cán bộ xử lý nợ; địa chỉ: Số A T, phường Đ, tỉnh Quảng Trị.

- *Bị đơn*: Ông Phan Công Đ, sinh năm: 1972 và bà Đỗ Thị V, sinh năm: 1973; cùng có địa chỉ tại: Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Trị.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tiền gốc và tiền lãi:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số LN2302248456368 ngày 27/02/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10199301 ngày 10/06/2024 và khế ước nhận nợ kèm theo; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng

thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử được ký kết giữa ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V với Ngân hàng TMCP V1 (V1). Ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 tính đến ngày 04/02/2026 với tổng số tiền là: 1.811.641.343 đồng trong đó: Nợ gốc: 1.633.586.889 đồng; nợ lãi trong hạn: 17.049.799 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.351.484 đồng; nợ lãi chậm trả: 159.653.171 đồng.

2.2. Thời hạn trả nợ số tiền gốc và tiền lãi:

Ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V sẽ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V1) theo các kỳ:

- Kỳ trả nợ đầu tiên chậm nhất đến ngày 04/3/2026 ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V cam kết trả số tiền: 363.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi ba triệu đồng);

- Kỳ trả nợ thứ hai (kì cuối cùng) chậm nhất đến ngày 01/04/2026 ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn lại và lãi, lãi phát sinh thêm cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng TMCP V1

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án lập biên bản hòa giải thành là ngày 05/02/2026, Ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay số LN2302248456368 ngày 27/02/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10199301 ngày 10/06/2024 và khế ước nhận nợ kèm theo; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 và ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V cho đến khi thanh toán hết số tiền còn phải thi hành án nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông Phan Công Đ và bà Đỗ Thị V vi phạm một lộ trình trả nợ thì được coi như vi phạm toàn bộ thỏa thuận. Ngân hàng TMCP V1 (V1) có quyền tự xử lý hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý tài sản đã đảm bảo của ông Phan Công Đ và bà Đỗ Thị V đang thế chấp đảm bảo cho khoản vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V1), cụ thể là:

Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 1345, tờ bản đồ số 22, diện tích: 1474,6m², địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Nay là Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 571046, sổ vào sổ cấp GCN: CS03758 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 22/12/2020 cho ông Phan Công Đ và bà Đỗ Thị V. Tài sản gắn liền với thửa đất nêu trên là Nhà ở thuộc sở hữu của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 571046, số vào sổ cấp GCN: CS03758 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 22/12/2020, cụ thể là: Nhà ở riêng lẻ 1 (diện tích xây dựng: 120m²; diện tích sàn: 200m²; hình thức sở hữu: riêng; cấp hạng: 3; thời hạn sở hữu: -/-) và Nhà ở riêng lẻ 2 (diện tích xây dựng: 60m²; diện tích sàn: 60m²; hình thức sở hữu: riêng; cấp hạng: 4; thời hạn sở hữu: -/-)

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2203225423095 ngày 25/3/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/PLHĐ ngày 27/02/2023; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 05/6/2024 được ký kết giữa ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V với Ngân hàng V1. Hợp đồng thế chấp đã được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản bảo đảm trên không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ của ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V thì Ngân hàng TMCP V1 (V1) có quyền yêu ông Phan Công Đ, bà Đỗ Thị V tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V1).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Các bên đương sự thỏa thuận bị đơn chịu 4.800.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Phan Công Đ và bà Đỗ Thị V có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng V1 số tiền 4.800.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hoàn trả trên, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền cần phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.2. Về án phí kinh doanh thương mại:

Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự thỏa thuận bị đơn ông Phan Công Đ và bà Đỗ Thị V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch 33.174.620 đồng (Ba mươi ba triệu, một trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm hai mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng TMCP V2 (V1) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 32.390.000 đồng (Ba mươi hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng chẵn) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh

Quảng Trị theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/25E số: 0002537 ngày 25/12/2025.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mỹ Lệ